



**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các
công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận	4103006066	ngày 8 tháng 2 năm 2007
Đăng ký Doanh Nghiệp số	4103006066	ngày 29 tháng 6 năm 2009
	0301445210	ngày 6 tháng 7 năm 2011
	0301445210	ngày 15 tháng 4 năm 2013
	0301445210	ngày 26 tháng 8 năm 2014
	0301445210	ngày 21 tháng 7 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp số 0301445210 vào ngày 21 tháng 7 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Quyết định cổ phần hóa	3241/QĐ-BCN	ngày 14 tháng 11 năm 2006
-------------------------------	-------------	---------------------------

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Đức Khiêm	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Hữu Phú	Thành viên
	Ông Diệu Chí Hào	Thành viên
	Bà Trần Thị Thanh Phượng	Thành viên
	Ông Lê Thiết Hùng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Đức Khiêm	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Hữu Phú	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Thiết Hùng	Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký	127 Đường Lê Văn Chí Phường Linh Trung Quận Thủ Đức Việt Nam
-----------------------	---

Đơn vị kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
-------------------------	-------------------------------

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 56 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2016



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 56.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-02-473-h



Chang Hong Chun

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0863-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Đặng Trung Hoán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2235-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2016

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		813.525.438.310	923.988.183.966
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	46.130.688.595	116.564.985.427
Tiền	111		46.130.688.595	73.564.985.427
Các khoản tương đương tiền	112		-	43.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		309.926.965.346	303.719.650.061
Phải thu khách hàng	131	8	285.523.599.476	279.440.684.290
Trả trước cho người bán	132		17.350.153.046	10.846.578.735
Phải thu khác	136	9	7.053.212.824	14.148.740.554
Dự phòng phải thu khó đòi	137		-	(716.353.518)
Hàng tồn kho	140	10	428.798.591.893	454.522.257.571
Tài sản ngắn hạn khác	150		28.669.192.476	49.181.290.907
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.154.756.904	2.780.758.718
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		27.513.850.463	46.387.560.956
Thuế phải thu Nhà nước	153		585.109	12.971.233

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		821.463.874.755	815.877.278.213
Các khoản phải thu dài hạn	210		267.000.000	292.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		267.000.000	292.000.000
Tài sản cố định	220		720.665.315.811	699.437.963.235
Tài sản cố định hữu hình	221	11	720.423.649.148	699.437.963.235
Nguyên giá	222		1.423.865.707.201	1.329.857.047.088
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(703.442.058.053)	(630.419.083.853)
Tài sản cố định vô hình	227	12	241.666.663	-
Nguyên giá	228		1.139.772.808	889.772.808
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(898.106.145)	(889.772.808)
Bất động sản đầu tư	230	13	353.640.215	582.943.397
Nguyên giá	231		26.436.678.414	26.436.678.414
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(26.083.038.199)	(25.853.735.017)
Tài sản dở dang dài hạn	240		61.427.142.111	84.584.761.568
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	61.427.142.111	84.584.761.568
Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	23.158.920.552	19.229.971.833
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		9.908.920.552	9.561.206.962
Đầu tư dài hạn khác	258		13.250.000.000	10.350.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(681.235.129)
Tài sản dài hạn khác	260		15.591.856.066	11.749.638.180
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	15.591.856.066	11.694.388.764
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	55.249.416
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.634.989.313.065	1.739.865.462.179

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

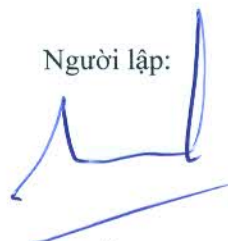
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.068.012.392.944	1.172.538.668.152
Nợ ngắn hạn	310		838.667.373.205	929.101.182.365
Phải trả người bán	311	17	117.108.035.003	150.048.044.961
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.509.304.689	5.964.584.579
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	7.004.423.751	8.023.326.687
Phải trả người lao động	314		67.619.586.831	58.660.528.497
Chi phí phải trả	315		1.855.612.979	1.193.109.923
Phải trả khác	319	19	47.734.921.645	58.418.663.493
Vay ngắn hạn	320	20(a)	584.658.067.108	639.567.706.225
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.177.421.199	7.225.218.000
Nợ dài hạn	330		229.345.019.739	243.437.485.787
Phải trả dài hạn khác	337		240.000.000	210.000.000
Vay dài hạn	338	20(b)	229.105.019.739	243.227.485.787
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		566.976.920.121	567.326.794.027
Vốn chủ sở hữu	410	21	566.976.920.121	567.326.794.027
Vốn cổ phần	411	22	210.000.000.000	210.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.062.727.273	3.062.727.273
Quỹ đầu tư và phát triển	418	24	66.203.825.426	64.385.643.778
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	634.786.078
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		219.283.564.218	216.850.348.622
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		204.356.134.170	172.295.626.823
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14.927.430.048	44.554.721.799
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		68.426.803.204	72.393.288.276
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.634.989.313.065	1.739.865.462.179

Ngày 29 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	2.340.992.888.565	2.358.566.375.722
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	691.153.099	3.513.046.223
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	26	2.340.301.735.466	2.355.053.329.499
Giá vốn hàng bán	11	27	2.035.825.456.390	2.065.647.900.568
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		304.476.279.076	289.405.428.931
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	8.755.498.250	11.100.716.371
Chi phí tài chính	22	29	56.262.252.631	30.040.987.722
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>30.546.778.401</i>	<i>18.126.413.315</i>
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		1.347.713.591	2.469.408.737
Chi phí bán hàng	25	30	36.798.461.097	32.675.612.281
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	134.165.399.672	109.614.042.639
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		87.353.377.517	130.644.911.397
Thu nhập khác	31	32	106.060.850	692.706.686
Chi phí khác	32	33	2.497.231.677	953.709.098
Kết quả hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(2.391.170.827)	(261.002.412)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

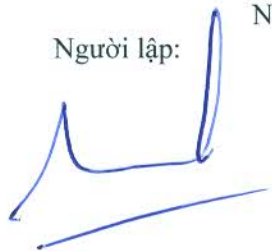
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		84.962.206.690	130.383.908.985
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	23.212.182.275	27.995.869.413
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	34	55.249.416	96.279.435
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		61.694.774.999	102.291.760.137
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế thuộc các cổ đồng của công ty mẹ	61		56.927.430.048	95.804.721.799
Lợi nhuận sau thuế của cổ đồng không kiểm soát	62		4.767.344.951	6.487.038.338
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	2.232	4.708

Ngày 29 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	84.962.206.690	130.383.908.985
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	106.265.814.230	68.086.033.602
Các khoản dự phòng	03	(666.269.563)	(204.260.988)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2.387.408.129	2.111.974.647
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	05	(3.603.632.063)	(7.874.905.037)
Chi phí lãi vay	06	30.546.778.401	18.126.413.315
Lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	219.892.305.824	210.629.164.524
Biến động các khoản phải thu	09	5.902.069.838	(91.776.817.774)
Biến động hàng tồn kho	10	25.688.765.685	(88.744.943.194)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11	(20.094.293.422)	30.728.797.807
Biến động chi phí trả trước	12	(2.495.297.151)	(5.243.311.760)
		228.893.550.774	55.592.889.603
Tiền lãi vay đã trả	14	(30.546.778.401)	(18.026.582.191)
Thuế thu nhập đã nộp	15	(25.808.983.247)	(32.879.577.659)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	15.000.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(10.451.122.638)	(8.502.161.396)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	162.101.666.488	(3.815.431.643)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(114.421.450.778)	(517.890.281.568)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	3.657.250.868	1.431.247.338
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(23.000.000.000)	(15.100.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	23.000.000.000	40.100.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(500.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	987.701.038	-
Tiền thu lãi lãi tiền gửi và cổ tức	27	7.070.582.681	7.514.091.202
Tiền tăng do hợp nhất công ty con		-	385.577.674
Mất quyền kiểm soát công ty con		(2.103.681.422)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(105.309.597.613)	(483.559.365.354)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	17.024.250.000
Tiền thu từ đi vay	33	1.737.992.208.183	1.932.388.640.313
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.808.668.002.436)	(1.351.144.329.928)
Tiền trả cổ tức	36	(56.719.465.525)	(51.866.987.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(127.395.259.778)	546.401.572.885

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2015 VND	2014 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(70.603.190.903)	59.026.775.888
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	116.564.985.427	57.578.076.285
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	168.894.071	(39.866.746)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70 7	46.130.688.595	116.564.985.427

Người lập:

 Lê Thiết Hùng
 Kế toán trưởng

Ngày 29 tháng 3 năm 2016

Người duyệt:


 Nguyễn Đức Khiêm
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất và mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc; mua bán máy móc thiết bị, hóa chất và nguyên vật liệu xây dựng (trừ hóa chất độc hại mạnh); xây dựng dân dụng và công nghiệp; kinh doanh bất động sản; lắp đặt máy móc ngành thiết bị công nghiệp, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Sau đây là danh sách các công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

Tên	Địa chỉ		31/12/2015 % sở hữu và quyền biểu quyết	1/1/2015 % sở hữu và quyền biểu quyết
Công ty con trực tiếp		Hợp nhất		
Công ty cổ phần May Việt Thắng	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Có	52,27%	52,27%
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Có	58,55%	58,55%
Công ty con gián tiếp		Hợp nhất		
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Không	18,29% (quyền biểu quyết 18,29%)	18,29% (quyền biểu quyết 52,27%)
Công ty liên doanh, liên kết		Hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu		
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Có	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may Thành phố Hồ Chí Minh	96 Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Có	20,00%	20,00%

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty không còn kiểm soát Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng do không còn nắm giữ quyền tỷ lệ biểu quyết trên 50% và do đó không còn nắm giữ điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty con này. Không có sự thay đổi về tỷ lệ lợi ích của Công ty trong Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có 3.448 nhân viên (1/1/2015: 3.614 nhân viên).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Tập đoàn và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính sau đây:

- Cơ sở hợp nhất (thuyết minh 4(a));
- Các giao dịch bằng ngoại tệ (thuyết minh số 4(b));
- Lợi thế thương mại (thuyết minh số 4(k)); và
- Lãi trên cổ phiếu (thuyết minh số 4(s)).

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iv) Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty hoặc các công ty con và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con mở tài khoản để nhận vốn góp tại ngày góp vốn.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 38 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 8 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 9 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(i) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và bất kỳ chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	8 – 16 năm
-----------	------------

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được ghi trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lợi thế thương mại bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết hoặc cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do áp dụng Thông tư 202, lợi thế thương mại trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết hoặc cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát không được tiếp tục phân bổ nữa.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố và không ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tập đoàn.

(l) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(m) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Phần vốn góp lớn hơn mệnh giá cổ phiếu phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi năm từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(iv) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố. Do sự thay đổi chính sách kế toán này, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 giảm 479 VND.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh dệt may.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

5. Báo cáo bộ phận

Bộ phận chia theo vùng địa lý

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng	
	2015 VND	2014 VND	2015 VND	2014 VND	2015 VND	2014 VND
Doanh thu bán ra bên ngoài	1.406.358.994.572	1.505.913.608.495	933.942.740.894	849.139.721.004	2.340.301.735.466	2.355.053.329.499
Chi tiêu vốn	114.421.450.778	517.890.281.568	-	-	114.421.450.778	517.890.281.568
	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tài sản của bộ phận	1.634.989.313.065	1.739.865.462.179	-	-	1.634.989.313.065	1.739.865.462.179

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Mất quyền kiểm soát tại một công ty con

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty không còn kiểm soát Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng do không còn nắm giữ tỷ lệ biểu quyết trên 50% và do đó không còn nắm giữ quyền điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty con này trong khi vẫn còn nắm giữ 18.29% lợi ích kinh tế trong công ty con này.

Việc mất quyền kiểm soát này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mất quyền kiểm soát như sau:

	Giá trị ghi sổ tại thời điểm mất quyền kiểm soát VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.103.681.422
Các khoản phải thu	2.157.939.439
Hàng tồn kho	34.899.993
Tài sản ngắn hạn khác	492.502.485
Tài sản cố định	6.687.412.497
Tài sản dài hạn khác	223.831.663
Nợ phải trả ngắn hạn	(2.700.267.499)
<hr/>	
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	9.000.000.000
Lợi ích cổ đông không kiểm soát đã xóa sổ	(5.850.000.000)
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư ghi nhận	(3.150.000.000)
<hr/>	
Lãi/lỗ do mất quyền kiểm soát	-
<hr/>	
Dòng tiền ra thuần do mất quyền kiểm soát công ty con	2.103.681.422
<hr/>	

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tiền mặt	904.455.525	693.201.291
Tiền gửi ngân hàng	45.226.233.070	72.871.784.136
Các khoản tương đương tiền	-	43.000.000.000
<hr/>		
	46.130.688.595	116.564.985.427
<hr/>		

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Supreme International LLC	39.302.151.238	32.752.073.869
Công ty TNHH Hyopshin	31.552.187.942	7.683.896.880
Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Quế Hương	30.530.348.917	15.202.870.823
Các khách hàng khác	184.138.911.379	223.801.842.718
	285.523.599.476	279.440.684.290

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I – công ty liên doanh	1.008.963.689	1.017.340.514
Các bên liên quan khác:		
Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	7.100.882.915	1.094.025.798
Công ty Cổ phần Quốc Tế Phong Phú	1.728.600.287	105.822.412
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng	5.266.800	2.442.000
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	-	122.715.834
Công ty Cổ phần May Nhà Bè	155.099.585	379.299.300
Công ty Cổ phần Đức Giang	180.837.415	123.149.400
Công ty Cổ phần Len Việt Nam	-	460.715.933

Khoản phải thu công ty liên doanh và các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu khác

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Cổ tức phải thu từ các bên liên quan	2.080.000.000	4.880.922.000
Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan	1.651.825.905	700.000.000
Ký cược, ký quỹ	698.727.290	5.136.055.054
Tạm ứng	953.565.287	1.870.432.265
Lãi phải thu	-	280.900.000
Phải thu khác	1.669.094.342	1.280.431.235
	<hr/>	<hr/>
	7.053.212.824	14.148.740.554
	<hr/>	<hr/>

10. Hàng tồn kho

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	13.428.139.483	26.070.005.157
Nguyên vật liệu	84.490.630.402	100.146.565.466
Công cụ và dụng cụ	68.230.337	52.982.898
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	58.772.251.585	57.672.127.362
Thành phẩm	246.184.390.324	232.314.831.046
Hàng hóa	444.055.745	23.179.083.600
Hàng gửi đi bán	25.410.894.017	15.086.662.042
	<hr/>	<hr/>
	428.798.591.893	454.522.257.571
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 89.800 triệu VND (1/1/2015: 126.180 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 20).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	203.784.350.111	1.110.853.199.305	14.197.842.966	1.021.654.706	1.329.857.047.088
Tăng trong năm	2.331.442.306	18.464.029.235	-	-	20.795.471.541
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	6.768.832.552	109.764.766.142	-	-	116.533.598.694
Thanh lý	-	(32.416.886.970)	(3.556.466.130)	(390.116.342)	(36.363.469.442)
Giảm do mất quyền kiểm soát công ty con	(1.926.811.636)	(5.030.129.044)	-	-	(6.956.940.680)
Số dư cuối năm	210.957.813.333	1.201.634.978.668	10.641.376.836	631.538.364	1.423.865.707.201
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	90.177.618.410	530.562.297.469	8.958.579.184	720.588.790	630.419.083.853
Khấu hao trong năm	10.894.260.674	93.605.294.206	1.416.233.081	112.389.750	106.028.177.711
Thanh lý	-	(30.094.521.150)	(2.251.037.836)	(390.116.342)	(32.735.675.328)
Giảm do mất quyền kiểm soát công ty con	(22.938.235)	(246.589.948)	-	-	(269.528.183)
Số dư cuối năm	101.048.940.849	593.826.480.577	8.123.774.429	442.862.198	703.442.058.053
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	113.606.731.701	580.290.901.836	5.239.263.782	301.065.916	699.437.963.235
Số dư cuối năm	109.908.872.484	607.808.498.091	2.517.602.407	188.676.166	720.423.649.148

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 305.741 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: 283.712 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 405.363 triệu VND (1/1/2015: 53.114 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 20).

12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	889.772.808
Tăng trong năm	250.000.000
	<hr/>
Số dư cuối năm	1.139.772.808
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	889.772.808
Khấu hao trong năm	8.333.337
	<hr/>
Số dư cuối năm	898.106.145
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	-
Số dư cuối năm	241.666.663
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 889 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: 889 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm/cuối năm	26.436.678.414
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	25.853.735.017
Khấu hao trong năm	229.303.182
Số dư cuối năm	26.083.038.199
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	582.943.397
Số dư cuối năm	353.640.215

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn thể hiện nhà cửa nắm giữ nhằm mục đích cho thuê.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tập đoàn và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	84.584.761.568	5.251.033.455
Tăng trong năm	93.375.979.237	488.490.371.766
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(116.533.598.694)	(409.156.643.653)
Số dư cuối năm	61.427.142.111	84.584.761.568

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Nhà kho xưởng cơ khí	24.230.000.000	-
Lò hơi	4.506.701.980	-
Máy kéo sợi con	32.690.440.131	-
Dự án nhà máy Dệt mới	-	84.584.761.568
	61.427.142.111	84.584.761.568

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2015						1/1/2015					
	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:												
Công ty liên doanh												
• Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	-	50,00%		9.908.920.552	-	(*)	-	50,00%		9.561.206.962	-	(*)
Công ty liên kết												
• Công ty Cổ phần Thương mại Dệt – May TP, Hồ Chí Minh	900.000	20,00%	20,00%	-	-	(*)	900.000	20,00%	20,00%	-	-	(*)
				<hr/>			<hr/>					
				9.908.920.552	-	(*)				9.561.206.962	-	(*)
				<hr/>			<hr/>			<hr/>		

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2015					1/1/2015						
	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đơn vị khác												
• Công ty Cổ phần Đầu tư Ngôi sao Gia Định	550.000	5,00%		5.500.000.000	-	(*)	500.000	5,00%		5.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Dệt Việt Phú	-	12,00%		3.600.000.000	-	(*)	-	12,00%		3.600.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng	-	18,29%		3.150.000.000	-	(*)	-	-		-	-	(*)
• Công ty Cổ phần Phong Việt	100.000	10,00%		1.000.000.000	-	(*)	100.000	10,00%		1.000.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Thương mại Chọn	-	-		-	-	(*)	75.000	3,36%		750.000.000	681.235.129	(*)
				13.250.000.000	-	(*)				10.350.000.000	681.235.129	(*)
				23.158.920.552	-	(*)				19.911.206.962	681.235.129	(*)

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	9.561.206.962	11.516.798.225
Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết	1.522.713.590	2.469.408.737
Quỹ khen thưởng phúc lợi	(175.000.000)	(425.000.000)
Cổ tức đã chia	(1.000.000.000)	(4.000.000.000)
Số dư cuối năm	9.908.920.552	9.561.206.962

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	9.246.013.533	2.448.375.231	11.694.388.764
Tăng trong năm	8.410.544.986	6.930.003.098	15.340.548.084
Giảm do mất quyền kiểm soát công ty con	-	(223.831.663)	(223.831.663)
Phân bổ trong năm	(7.432.926.808)	(3.786.322.311)	(11.219.249.119)
Số dư cuối năm	10.223.631.711	5.368.224.355	15.591.856.066

17. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Dệt Việt Phú	23.023.614.523	23.023.614.523	26.883.740.291	26.883.740.291
Kaiser Corporation Limited	19.508.529.132	19.508.529.132	8.986.109.583	8.986.109.583
Tunica Fareast Ltd	10.974.427.794	10.974.427.794	20.845.309.368	20.845.309.368
Các nhà cung cấp khác	63.601.463.554	63.601.463.554	93.332.885.719	93.332.885.719
	117.108.035.003	117.108.035.003	150.048.044.961	150.048.044.961

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	117.108.035.003	117.108.035.003	150.048.044.961	150.048.044.961

(c) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Việt Thắng – Luch I – công ty liên doanh	156.752.919	156.752.919	-	-
Các bên liên quan khác				
Công ty TNHH Dệt Việt Phú	23.023.614.523	23.023.614.523	26.883.740.291	26.883.740.291
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng	7.088.196.226	7.088.196.226	-	-

Khoản phải trả công ty liên doanh và các bên liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số được khấu trừ trong năm VND	Chuyển từ thuế phải thu VND	Phân loại sang thuế phải thu VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	980.558.659	146.857.616.526	(4.777.567.276)	(142.566.350.400)	-	-	494.257.509
Thuế xuất nhập khẩu	-	16.717.755.117	(16.718.340.226)	-	-	585.109	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.200.151.825	23.212.182.275	(25.808.983.247)	-	-	-	3.603.350.853
Thuế thu nhập cá nhân	821.972.643	4.159.330.359	(4.074.511.540)	-	(12.971.233)	-	893.820.229
Thuế tài nguyên	20.643.560	100.173.040	(107.821.440)	-	-	-	12.995.160
Tiền thuê đất	-	11.378.054.982	(9.378.054.982)	-	-	-	2.000.000.000
Thuế môn bài	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-	-	-
	8.023.326.687	202.431.112.299	(60.871.278.711)	(142.566.350.400)	(12.971.233)	585.109	7.004.423.751

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

19. Phải trả khác

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	756.616.784	813.644.148
Bảo hiểm xã hội	31.440.884	-
Cổ tức phải trả	44.550.811.975	55.633.715.000
Các khoản phải trả khác	2.396.052.002	1.971.304.345
	<hr/>	<hr/>
	47.734.921.645	58.418.663.493
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

20. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2015		Biến động trong năm		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	626.803.653.745	626.803.653.745	1.695.855.683.479	(1.780.429.534.796)	542.229.802.428	542.229.802.428
Vay dài hạn đến hạn trả	12.764.052.480	12.764.052.480	70.794.421.445	(41.130.209.245)	42.428.264.680	42.428.264.680
	639.567.706.225	639.567.706.225	1.766.650.104.924	(1.821.559.744.041)	584.658.067.108	584.658.067.108

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
<i>NHTMCP Ngoại thương Việt Nam</i>				
Khoản vay 1	VND	4,5% - 4,9%	180.114.235.567	103.006.480.551
Khoản vay 2	USD	2,0% - 2,5%	30.390.302.436	93.971.692.368
Khoản vay 3	USD	2,0%	26.755.817.812	91.410.324.574
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>				
Khoản vay 6	VND	7,5%	2.079.090.036	12.364.848.880
Khoản vay 7	USD	2,0%	24.517.315.865	34.503.738.343
Khoản vay 8	VND	4,5%	98.878.954.392	105.414.902.270
Khoản vay	USD	2,2%	5.985.683.132	-
<i>Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)</i>				
Khoản vay 9	USD	-	-	19.746.530.535
Khoản vay 10	VND	-	-	24.102.939.634
Khoản vay 11	USD	-	-	24.806.791.080
Khoản vay	USD	2,0%	7.304.254.247	-
<i>Ngân hàng ANZ</i>				
Khoản vay 12	USD	2,1%	11.207.144.956	19.865.974.994
<i>Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam</i>				
Khoản vay 13	USD	2,2% - 2,5%	70.322.398.234	17.372.392.380
Khoản vay 14	USD	1,9% - 2,0%	10.805.764.131	17.405.129.636
<i>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng</i>				
Khoản vay 15	USD	2,2% - 2,5%	22.134.282.394	33.614.299.284
<i>Ngân hàng SinoPac – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh</i>				
Khoản vay 16	USD	2,0%	27.181.122.941	29.217.609.216
<i>NHTMCP Công thương Việt Nam</i>				
Khoản vay 18	VND	4,0%	24.553.436.285	-
			542.229.802.428	626.803.653.745

Khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 288.843 triệu VND (31/12/2013: 53.144 triệu VND) (Thuyết minh 11); một số hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 89.800 triệu VND (31/12/2013: 126.180 triệu VND) (Thuyết minh 10).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Vay dài hạn	271.533.284.419	255.991.538.267
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(42.428.264.680)	(12.764.052.480)
	229.105.019.739	243.227.485.787

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	Năm đáo hạn	31/12/2015	1/1/2015
				VND	VND
<i>Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>					
Khoản vay 1	USD	-	-	-	1.945.259.857
<i>Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam</i>					
Khoản vay 2	USD	4,0%	2020	118.134.762.920	117.394.225.930
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam</i>					
Khoản vay 3	USD	4,1% - 4,3%	2022	147.179.138.189	136.652.052.480
Khoản vay 4	USD	4,0%	2018	5.259.179.310	-
Khoản vay 5	USD	4,0%	2018	960.204.000	-
				271.533.284.419	255.991.538.267

Khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 116.520 triệu VND (1/1/2015: 53.144 triệu VND) (Thuyết minh 11).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	200.000.000.000	2.172.727.273	55.947.556.557	6.722.903.277	634.786.078	182.656.703.000	62.833.604.205	510.968.280.390
Vốn góp trong năm	10.000.000.000	890.000.000	-	-	-	-	6.134.250.000	17.024.250.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	95.804.721.799	6.487.038.338	102.291.760.137
Phân bổ vào các quỹ	-	-	1.498.791.650	216.392.294	-	(1.715.183.944)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(8.645.892.233)	(476.604.267)	(9.122.496.500)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	-	(51.250.000.000)	(4.210.000.000)	(55.460.000.000)
Tăng do mua lại công ty con	-	-	-	-	-	-	1.625.000.000	1.625.000.000
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 – theo báo cáo trước đây	210.000.000.000	3.062.727.273	57.446.348.207	6.939.295.571	634.786.078	216.850.348.622	72.393.288.276	567.326.794.027
Phân loại lại (Thuyết minh 38)	-	-	6.939.295.571	(6.939.295.571)	-	-	-	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 – phân loại lại	210.000.000.000	3.062.727.273	64.385.643.778	-	634.786.078	216.850.348.622	72.393.288.276	567.326.794.027

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 – phân loại lại	210.000.000.000	3.062.727.273	64.385.643.778	-	634.786.078	216.850.348.622	72.393.288.276	567.326.794.027
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	56.927.430.048	4.767.344.951	61.694.774.999
Phân bổ vào các quỹ	-	-	1.818.181.648	-	-	(1.818.181.648)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(10.060.818.882)	(497.267.523)	(10.558.086.405)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	-	(43.250.000.000)	(2.386.562.500)	(45.636.562.500)
Giảm do mất quyền kiểm soát công ty con	-	-	-	-	-	-	(5.850.000.000)	(5.850.000.000)
Phân bổ quỹ khác sang lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	-	(634.786.078)	634.786.078	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	210.000.000.000	3.062.727.273	66.203.825.426	-	-	219.283.564.218	68.426.803.204	566.976.920.121

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Vốn cổ phần

Cổ đông của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	9.855.000	98.550.000.000	9.855.000	98.550.000.000
Các cổ đông khác	11.145.000	111.450.000.000	11.145.000	111.450.000.000
	21.000.000	210.000.000.000	21.000.000	210.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

23. Cổ tức

Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty ngày 25 tháng 4 năm 2015 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 52.500 triệu VND từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2014, trong đó công ty đã tạm trích 51.250 triệu VND trong năm 2014 theo biên bản cuộc họp ngày 15 tháng 12 năm 2014.

Cuộc họp Hội đồng Quản trị Công ty ngày 12 tháng 12 năm 2015 đã đề xuất phân phối khoản cổ tức 42.000 triệu VND từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2015 dựa trên Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông ngày 25 tháng 4 năm 2015.

24. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.721.460.073	3.396.827.594
Trong vòng hai đến năm năm	2.819.925.600	3.251.273.527
Sau năm năm	10.652.370.000	10.953.142.800
	<hr/>	<hr/>
	17.193.755.673	17.601.243.921
	<hr/>	<hr/>

(b) Ngoại tệ

	31/12/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	306.148 USD	6.874.734.830	1.557.893 USD	33.276.594.480
		<hr/>		<hr/>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2015	2014
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.822.366.643.805	1.690.816.593.717
▪ Bán hàng hóa	448.227.529.984	622.952.093.268
▪ Bán phế liệu	22.160.555.427	17.867.108.613
▪ Cung cấp dịch vụ	37.614.657.177	17.861.173.304
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	10.623.502.172	9.069.406.820
	2.340.992.888.565	2.358.566.375.722
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(478.934.472)	(232.830.757)
▪ Hàng bán bị trả lại	(212.218.627)	(3.280.215.466)
	(691.153.099)	(3.513.046.223)
Doanh thu thuần	2.340.301.735.466	2.355.053.329.499

27. Giá vốn hàng bán

	2015	2014
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm đã bán	1.534.807.171.822	1.244.623.674.073
▪ Hàng hoá đã bán	446.929.103.249	787.255.612.088
▪ Phế liệu đã bán	21.153.600.477	17.073.836.759
▪ Dịch vụ đã cung ứng	30.669.615.359	14.159.493.406
▪ Bất động sản đầu tư cho thuê	2.265.965.483	2.535.284.242
	2.035.825.456.390	2.065.647.900.568

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	2015 VND	2014 VND
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.069.783.323	3.377.461.189
Tiền phạt do khách hàng chậm thanh toán	2.459.253.208	3.366.968.991
Lãi tiền gửi	1.525.260.681	3.196.286.191
Thu nhập từ cổ tức	1.463.500.000	1.160.000.000
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	237.701.038	-
	<hr/> 8.755.498.250	<hr/> 11.100.716.371 <hr/>

29. Chi phí tài chính

	2015 VND	2014 VND
Chi phí lãi vay	30.546.778.401	18.126.413.315
Lỗ chênh lệch tỷ giá	26.396.392.805	11.914.574.407
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(681.235.129)	-
Chi phí tài chính khác	316.554	-
	<hr/> 56.262.252.631	<hr/> 30.040.987.722 <hr/>

30. Chi phí bán hàng

	2015 VND	2014 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.678.512.300	9.228.666.232
Chi phí nhân viên	3.815.657.468	3.729.925.386
Chi phí khấu hao	994.494.804	667.877.222
Chi phí công cụ và dụng cụ	957.899.689	783.873.538
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	8.703.060.980	13.258.038.848
Chi phí vận chuyển	6.507.937.615	2.627.516.381
Chi phí bán hàng khác	6.140.898.241	2.379.714.674
	<hr/> 36.798.461.097	<hr/> 32.675.612.281 <hr/>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên	79.045.962.834	64.332.706.431
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.762.263.476	25.284.124.121
Chi phí thuế, phí và lệ phí	7.049.586.267	1.594.206.028
Chi phí khấu hao	4.959.628.892	3.611.146.293
Chi phí công cụ và dụng cụ	4.348.869.700	3.521.666.475
Chi phí dự phòng	14.965.566	(53.489.988)
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	14.984.122.937	11.323.683.279
	134.165.399.672	109.614.042.639
	134.165.399.672	109.614.042.639

32. Thu nhập khác

	2015	2014
	VND	VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	29.456.754	411.418.982
Thu nhập khác	76.604.096	281.287.704
	106.060.850	692.706.686
	106.060.850	692.706.686

33. Chi phí khác

	2015	2014
	VND	VND
Các khoản bị phạt thuế	2.372.640.022	763.064.967
Chi phí khác	124.591.655	190.644.131
	2.497.231.677	953.709.098
	2.497.231.677	953.709.098

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Thuế thu nhập

(a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Tài sản cố định	20%	-	55.249.416
		-	55.249.416

(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	18.078.145.490	27.705.663.751
Dự phòng thiếu trong những năm trước	5.134.036.785	290.205.662
	23.212.182.275	27.995.869.413
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	55.249.416	96.279.435
	23.267.431.691	28.092.148.848

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	84.962.206.690	130.383.908.985
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	18.691.685.472	28.684.459.977
Ưu đãi thuế	(1.034.724.655)	(889.873.968)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.599.618.797	805.827.099
Thu nhập không bị tính thuế	(1.123.184.708)	(798.469.922)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	5.134.036.785	290.205.662
	23.267.431.691	28.092.148.848

(d) Thuế suất áp dụng

Công ty

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế và được hưởng ưu đãi thuế suất 20% trong 10 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (năm 2007). Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong hai năm 2007 và 2008 và giảm 50% thuế thu nhập trong ba năm tiếp theo (từ năm 2009 đến năm 2011). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường là 22% trong năm 2015 và 20% từ năm 2016 trở đi.

Các công ty con

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty Cổ phần May Việt Thắng có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% (2014: 22%) trên lợi nhuận chịu thuế và được hưởng ưu đãi thuế suất 20% trong mười năm kể từ năm đầu hoạt động kinh doanh (2006). Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm 2006 và 2007 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong ba năm tiếp theo (2008 đến 2010). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường là 22% trong năm 2015 và 20% từ năm 2016 trở đi.

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư sẽ không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, mà do bên nhận đầu tư đã tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.730.085.283.397	1.302.959.528.784
Chi phí nhân công và nhân viên	343.464.195.932	299.831.404.770
Chi phí khấu hao	106.265.814.230	68.086.033.602
Chi phí khác	164.975.358.815	377.851.984.686

36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi là 10.060.818.882 VND và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 21.000.000 cổ phiếu (2014: 20.347.945 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2015	2014
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	56.927.430.048	95.804.721.799
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	(10.060.818.882)	-
	46.866.611.166	95.804.721.799

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2015	2014
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	21.000.000	20.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 26 tháng 8 năm 2014	-	347.945
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	21.000.000	20.347.945

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch		Số dư phải thu/(phải trả) tại ngày	
	2015 VND	2014 VND	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Công ty liên doanh				
Công ty TNHH Việt Thắng – Luch I				
Doanh thu gia công	-	15.214.300	-	-
Thu nhập cho thuê	1.500.000.000	1.500.000.000	-	-
Thu nhập khác	2.708.099.116	2.783.187.289	1.008.963.689	1.017.340.514
Phân phối cổ tức	1.668.125.000	1.000.000.000	(1.668.125.000)	(1.000.000.000)
Nhận cổ tức	1.000.000.000	4.000.000.000	2.630.922.000	3.800.922.000
Mua hàng hóa	333.258.150	285.068.533	(156.752.919)	-
Cho mượn tiền	7.800.000.000	-	-	-
Mua nguyên vật liệu	3.340.890	1.234.819.428	-	-
Cho vay	-	4.100.000.000	-	-
Thu nhập lãi cho vay	-	16.177.778	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may TP. Hồ Chí Minh				
Bán thành phẩm	-	1.515.464.300	-	-
Doanh thu gia công	-	-	-	-
Mua hàng hóa	-	6.130.175.053	-	-

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch		Số dư phải thu/(phải trả) tại ngày	
	2015 VND	2014 VND	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Các bên liên quan khác				
Công ty TNHH Dệt Việt Phú				
Bán thành phẩm	99.416.713.362	201.447.049.599	-	-
Bán dụng cụ và phụ tùng	5.742.445.375	7.814.723.260	-	-
Thu nhập cho thuê	5.060.045.456	5.876.181.820	-	-
Thu nhập khác	730.050.879	1.012.601.212	-	-
Mua hàng hóa	432.850.728.684	441.520.272.301	(23.023.614.523)	(26.883.740.291)
Lãi trả chậm	515.360.677	647.879.178	-	-
Thu nhập cổ tức	1.080.000.000	1.080.000.000	1.080.000.000	1.080.000.000
Tập đoàn Dệt may Việt Nam				
Phí thành viên	491.142.200	-	-	-
Phân phối cổ tức	19.710.000.000	24.637.500.000	(19.710.000.000)	(24.637.500.000)
Phí kiểm toán	-	188.181.818	-	-
Phí đào tạo	-	41.650.000	-	-
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương				
Bán thành phẩm	39.339.621.106	13.797.976.901	7,100,882,915	1.094.025.798
Doanh thu gia công	160.450.500	-	-	-
Dịch vụ gia công	1.919.821.860	432.347.970	-	-
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng				
Bán hàng hóa	29.483.426	-	5.266.800	-
Mua dịch vụ gia công	19.722.015.095	-	(7.088.196.226)	-

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch		Số dư phải thu/(phải trả) tại ngày	
	2015 VND	2014 VND	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Công ty Cổ phần Len sợi Việt Nam				
Bán thành phẩm	-	1.142.553.250	-	460.715.933
Mua hàng hóa	580.561.174	647.521.734	-	(5.218.125)
Dịch vụ gia công	-	647.732.000	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ				
Bán thành phẩm	-	493.550.500	-	-
Mua hàng hóa	-	1.428.205.766	-	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú				
Bán thành phẩm	3.865.622.681	-	1.728.600.287	105.822.412
Doanh thu gia công	467.740.575	697.645.340	-	-
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP				
Bán thành phẩm	2.526.522.500	3.272.168.000	155.099.585	379.299.300
Doanh thu gia công	5.682.000	172.984.805	-	-
Công ty TNHH MTV Dệt 8-3				
Bán thành phẩm	266.095.000	1.415.750.000	-	-
Doanh thu gia công	-	1.024.355.740	-	-
Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban quản lý				
Lương và thưởng	6.760.817.206	6.989.991.176	-	-

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Số liệu so sánh

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Tập đoàn áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 và Thông tư 202 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	1/1/2015 VND	1/1/2015 VND
	(phân loại lại)	(theo báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn khác	14.148.740.554	7.142.253.235
Tài sản ngắn hạn khác	-	7.019.458.552
Thuế phải thu Nhà nước	12.971.233	-
Phải thu dài hạn khác	292.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	-	292.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	-	6.939.295.571
Quỹ đầu tư và phát triển	64.385.643.778	57.446.348.207

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)



(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2014 VND (phân loại lại)	2014 VND (theo báo cáo trước đây)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.358.566.375.722	2.334.226.226.620
Giá vốn hàng bán	2.065.647.900.568	2.043.358.292.130
Thu nhập khác	692.706.686	26.052.684.138
Chi phí khác	953.709.098	24.263.145.886

Ngày 29 tháng 3 năm 2016

Người lập:

Lê Thiết Hùng
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
 Tổng Giám đốc